TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 19-7-2019.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tấn Thành.

Ông Nguyễn Văn Phú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Hồng C, sinh năm 1987, địa chỉ: ấp 7, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

Bị đơn: Ông Võ Văn D, sinh năm 1978, HKTT: ấp G, xã N, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, tạm trú: ấp 7, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trương Thị Hồng C là nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Qua quá trình tìm hiểu, bà C và ông D kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre vào năm 2016. Bà C và ông D chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình bà C và ông D không hợp nhau, bà C và ông D thường xuyên cải vã do ông D không lo làm ăn, bà C và ông D không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc

nhau như trước đây. Bà C và ông D không còn sống chung với nhau từ tháng 01 năm 2019 đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên bà C quyết định ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà C và ông D có 01 con chung tên Võ Trương Mỹ T, sinh ngày 20/9/2012, hiện nay con chung do bà C nuôi dưỡng. Nếu được ly hôn, bà C yêu cầu nuôi con chung tên Võ Trương Mỹ T, sinh ngày 20/9/2012, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn đã được Toà án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà C và ông D kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre vào năm 2016. Nay bà C yêu cầu ly hôn với ông D, căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Ông D vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với ông D.

[3] Bà C và ông D chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do do tính tình bà C và ông D không hợp nhau, bà C và ông D thường xuyên cải vã. Các đương sự không hòa giải được mâu thuẫn làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà C và ông D không còn sống chung với nhau từ tháng 01 năm 2019 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung của các đương sự không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà C, cho bà C ly hôn với ông D.

[4] Về con chung: Bà C và ông D có 01 con chung tên Võ Trương Mỹ T, sinh ngày 20/9/2012. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Võ Trương Mỹ T đang do bà C nuôi dưỡng, cháu Võ Trương Mỹ T mong muốn được sống với bà C. Yêu cầu của bà C về việc nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều

81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, giao cho bà C trực tiếp nuôi con chung tên Võ Trương Mỹ T, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bà C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C, cho bà C ly hôn với ông D.

2. Về nuôi con chung: Bà C và ông D có 01 con chung tên Võ Trương Mỹ T, sinh ngày 20/9/2012, hiện nay con do bà C nuôi dưỡng. Giao cho bà C trực tiếp nuôi con chung tên Võ Trương Mỹ T, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số 0002033, ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án DS huyện Châu Thành;
- UBND xã N, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Tùng